TÒA ÁN NHÂN DÂN **KV 3 - CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 147/2026/QĐST-HNGĐ	*CT, ngày 16 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm: 1975.

CCCD số: 09217000333, cấp ngày 29/06/2021.

Số điện thoại: 0774.657.770

Địa chỉ: Ấp Nhơn P, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố CT (nay là xã Nhơn A, thành phố CT).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1972.

CCCD số: 092072012993.

Số điện thoại: 0768.868.474

Địa chỉ: Ấp Nhơn P, xã Nhơn N, huyện Phong Đ, thành phố CT (nay là xã Nhơn A, thành phố CT).

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Văn S thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm H (nữ), sinh ngày 09/05/1997 và Nguyễn Vũ H (nam), sinh ngày 26/04/2001. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0004992 ngày 17/03/2026 thành một phần án phí. Nguyên đơn được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 - CT. Không ai phải nộp thêm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- UBND xã Nhơn A, thành phố CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.